

PHÁC ĐỒ ĐIỀU TRỊ HEN PHẾ QUẢN

I. CHẨN ĐOÁN:

1. Y học hiện đại:

a) Lâm sàng điển hình:

- Tiền triệu: cảm thấy khó chịu, ngứa họng, ngứa mũi, ho cơn.
- Cơn thường xảy ra ban đêm khoảng 1 - 4 giờ sáng, đột ngột.
- Khó thở ra, chậm, khô khè, rít. Người bệnh phải ngồi chống tay lên giường để thở, không nằm được.
- Co kéo cơ hô hấp phụ, cánh mũi phập phồng, co kéo hõm ức, vã mồ hôi.
- Nghe phổi có ran rít, ran ngáy khắp 2 phế trường.
- Trường hợp nặng có các dấu hiệu suy hô hấp.

Thoái lui: Cơn kéo dài 15 - 30 phút và tự giảm dần hoặc nhanh chóng dưới tác dụng của thuốc dẫn phế quản.

b) Đo chức năng hô hấp sau khi test dẫn phế quản:

- PEF tăng 60 lít/phút hoặc tăng > 20%.
- PEF thay đổi hàng ngày > 20%.
- FEV1 tăng > 12% hoặc > 200ml.

c) Chẩn đoán phân biệt:

- Tắc nghẽn đường hô hấp trên.
- Tắc nghẽn khí phế quản.
- Hen tim.
- Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính.
- Các bệnh lý phế quản phổi khác.

2. Y học cổ truyền:

a) Chứng hen: Chủ chứng là khó thở.

- Hen hàn: Người lạnh, sắc mặt trắng, ngực đầy tức, đờm trong loãng dễ khạc, thích uống nước nóng. Chất lưỡi nhợt, rêu lưỡi mỏng trắng trơn. Mạch trầm hoãn.
- Hen nhiệt: Buồn bực khó chịu, rêu lưỡi vàng đục, đại tiện táo, mạch hoạt sắc.

b) Chứng suyễn: Chủ chứng là thở gấp.

- Thực suyễn:
 - Phong hàn: Ngực đầy tức, ho đờm nhiều và loãng, phát sốt, đau đầu, đổ mồ hôi, không khát, rêu lưỡi trắng nhờn, mạch phù hoạt.
 - Táo nhiệt: Phiền nóng, ho, đau ngực, đau họng, khát nước, đàm nhiều đặc khó khạc. Chất lưỡi đỏ, rêu mỏng, mạch sắc.
- Hư suyễn:
 - Phế hư: Thở ngắn hơi kèm ho, tiếng nói yếu, tinh thần uể oải, lưỡi nhạt, tân dịch khô ráo, người nóng, họng vướng tắc, tự hãn, sắc mặt đỏ từng lúc, lưỡi đỏ, mạch vi nhược.
 - Thận âm hư suyễn: Ho, khó thở, đau họng, mặt đỏ vật vã, lòng bàn tay chân nóng, mạch tế sắc.
 - Thận dương hư suyễn: Ôn lạnh, suyễn tăng khi vận động, sưng mu bàn chân, tay chân lạnh, mạch vi hoặc trầm nhược.

II. ĐIỀU TRỊ:

1. Y học hiện đại:

- Thuốc giãn phế quản:
 - Salbutamol 2 – 4mg: 1 – 2 viên x 3 lần/ngày.
 - Ventolin dạng hít: 1 – 2 nhát/lần khi có cơn.
 - Salmeterol 25 mg, 50 mg.
 - Aminophyllin 240 mg (6mg/Kg/20 phút đầu, duy trì 0,4 – 0,6mg/Kg).
 - Theophyllin 100 – 300 mg: 1 – 2 viên/ngày.
 - Diaphyllin 240 mg/5ml (tiêm mạch chậm).
- Corticoids dạng hít (ICS) kết hợp cường Beta 2:
 - 1 nhát xịt (50mcg salmeterol, 100mcg fluticasone) x 2 lần / ngày.
 - 1 nhát xịt (50mcg salmeterol, 500mcg fluticasone) x 2 lần / ngày.
 - Hiệu chỉnh đến liều hiệu quả thấp nhất.
 - Liều duy trì 1 – 2 lần/ngày.
- Corticoid toàn thân:
 - Prednisone 5mg: 2 viên x 3 lần/ngày x10 ngày, sau đó giảm liều từ từ.
 - Methyl prednisolone 2mg, 4mg, 8mg, 16mg, 24mg, 32mg.
 - Thuốc tiêm.
- Điều trị dự phòng: Loại bỏ dị ứng nguyên, giải miễn cảm.

2. Y học cổ truyền:

a) Hen hàn:

- Phép trị: Ôn phế, tán hàn, trừ đàm, định suyễn.
- Bài thuốc: *Xạ can ma hoàng thang gia giảm* (Ma hoàng, Quế chi, Thược dược, Bán hạ chế, Tế tân, Ngũ vị tử, Xạ can, Can khương, Cam thảo).
- Châm cứu: Châm bổ, ôn châm hoặc cứu: Phế du, Cao hoang, Định suyễn, Thận du. Nhĩ châm: Giao cảm, Thần môn, Phế.

b) Hen nhiệt:

- Phép trị: Thanh nhiệt, tuyên phế, hóa đàm, bình suyễn.
- Bài thuốc: *Định suyễn thang* (Ma hoàng, Hạnh nhân, Bán hạ chế, Tang bạch bì, Trúc lịch, Hoàng cầm, Cam thảo bắc).
- Châm cứu: Châm tả Thiên đột, Trung phủ, Đản trung, Định suyễn, Xích trạch, Thái Uyên, Phong long, Hợp cốc.

c) Thực suyễn:

+ Phong hàn:

- Phép trị: Lợi Phế, khai khiếu, giáng khí, định suyễn.
- Bài thuốc: *Tiểu Thanh Long thang* (Ma hoàng, Quế chi, Can khương, Tế tân, Bán hạ chế, Ngũ vị tử, Hạnh nhân, Thược dược, Cam thảo).
- Châm cứu: Cứu Định suyễn, Liệt khuyết.

+ Táo nhiệt:

- Phép trị: Thanh phế, giáng hỏa.
- Bài thuốc: *Tả bạch tán* (Tang bạch bì, Địa cốt bì, Ngạnh mễ, Cam thảo).

d) Phế hư:

+ Phế âm hư:

- Phép trị: Tư âm, bổ Phế, định suyễn.
- Bài thuốc: *Sinh mạch tán gia vị* (Đảng sâm, Sa sâm, Mạch môn, Ngọc trúc, Ngũ vị tử, Bối mẫu).
- Châm cứu: Châm bổ Phế du, Cao hoang, Chiên trung, Thận du, Tỳ du, Quan nguyên.

+ Phế khí hư:

- Phép trị: Bổ Phế, ích khí, định suyễn.
- Bài thuốc: *Ngọc bình phong tán gia giảm* (Hoàng kỳ, Tô tử, Phòng phong, Bạch truật).
- Châm bổ Phế du, Cao hoang.

+ Thận dương hư:

- Phép trị: Ôn thận nạp khí.
- Bài thuốc: *Kim quỳ thận khí hoàn* (Địa hoàng, Đơn bì, Hoài sơn, Quế chi, Trạch tả, Phụ tử, Phục linh, Sơn thù).
- Châm cứu: Quan nguyên, Khí hải, Thận du, Phế du, Mệnh môn.

+ Thận âm hư:

- Phép trị: Tư âm bổ Thận.
- Bài thuốc: *Lục vị gia giảm (Bát tiên thang)* (Thục địa, Trạch tả, Hoài sơn, Đơn bì, Sơn thù, Ngũ vị tử, Phục linh, Mạch môn).
- Châm cứu: Châm bổ Quan nguyên, Khí hải, Thận du, Phế du, Mệnh môn, Tam âm giao, Thái Khê.

* Thành phẩm:

- Bạch long thủy chai 90ml: 30ml x 03 lần/ngày.
- Ho Ma hạnh 100ml: 20ml x 03 lần/ngày.